



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 54/3 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Chi nhánh Hà Nội: Phòng 903 toà 17T1 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Tel: (84-24) 6281.1281

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 41
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 41

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHAI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1801116600 ngày 12 tháng 3 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Quốc Phục	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên
Ông Trần Chiến Công	Thành viên
Ông Mai Song Hào	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc	
Ông Phạm Đình Huấn	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Thái	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2023
Bà Lê Thùy Ngân	Kế toán trưởng	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Hoàng Lâm	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2024

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc


Trần Thanh Phong

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2, được lập ngày 15 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm, Công ty đã nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với phần chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm 2021 với số tiền là 1.364.268.711 đồng và thực hiện ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thay vì điều chỉnh hồi tố vào báo cáo tài chính năm 2021 (năm 2021, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% cho thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sạch, năm 2023 Công ty đã xác định lại thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sạch phải nộp năm 2021 là 20%. Do vậy, Công ty đã ghi nhận bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021). Nếu thực hiện điều chỉnh hồi tố thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023 sẽ tương ứng giảm đi và tăng lên cùng một số tiền là 1.364.268.711 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 02 năm 2023 liên quan đến việc Công ty ghi nhận thiếu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 (năm 2021 Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% cho thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sạch thay vì áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%).

Về vấn đề này, năm 2023 Công ty đã thực hiện ghi nhận và nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2021.

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2024

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Huyền Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6237-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.811.057.104	14.840.962.611
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.640.919.619	2.077.311.872
1.	Tiền	111	V.01	1.640.919.619	2.077.311.872
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.242.027.992	2.436.886.808
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.531.191.946	1.532.274.108
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.660.721.287	1.101.097.941
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	293.000.000	46.400.000
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(242.885.241)	(242.885.241)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	12.571.070.137	9.037.136.855
1.	Hàng tồn kho	141		12.571.070.137	9.037.136.855
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.357.039.356	1.289.627.076
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	153.807.500	84.562.193
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.072.698.856	1.205.064.883
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	130.533.000	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		235.304.102.895	213.917.476.173
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		37.869.300	37.869.300
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	37.869.300	37.869.300
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		204.980.546.436	193.941.283.971
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	204.774.296.437	193.885.053.674
	- Nguyên giá	222		562.344.174.726	522.958.894.902
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(357.569.878.289)	(329.073.841.228)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	206.249.999	56.230.297
	- Nguyên giá	228		915.127.273	640.127.273
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(708.877.274)	(583.896.976)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	9.226.509.767	19.591.792.756
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.226.509.767	19.591.792.756
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.059.177.392	346.530.146
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.059.177.392	346.530.146
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		255.115.159.999	228.758.438.784

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		97.120.821.386	73.090.771.705
I.	Nợ ngắn hạn	310		40.316.286.101	30.268.975.196
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	15.080.570.602	4.294.870.743
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	452.826.671	150.294.544
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.220.227.765	2.107.633.659
4.	Phải trả người lao động	314		1.378.104.540	1.661.097.985
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	167.851.392	3.401.073
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	253.275.789	1.626.930.073
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	16.290.970.422	17.001.386.618
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.472.458.920	3.423.360.501
II.	Nợ dài hạn	330		56.804.535.285	42.821.796.509
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	15.967.733.504	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	-	3.027.509.064
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	40.836.801.781	39.794.287.445
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.994.338.613	155.667.667.079
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	157.994.338.613	155.667.667.079
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.733.160.000	117.733.160.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.733.160.000	117.733.160.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.562.600.152	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		15.244.382.662	21.306.577.003
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.454.195.799	16.627.930.076
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		190.117.609	1.554.386.320
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		17.264.078.190	15.073.543.756
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		255.115.159.999	228.758.438.784

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Phương Thảo

Lê Thùy Ngân

Trần Thanh Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	108.332.958.186	102.598.933.715
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	4.650.535	4.389.904
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		108.328.307.651	102.594.543.811
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	63.903.960.229	64.432.176.376
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.424.347.422	38.162.367.435
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	18.015.354	7.756.262
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	5.982.520.445	3.435.747.634
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.523.526.428	3.435.747.634
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.630.248.772	2.682.751.936
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	18.680.407.154	16.099.078.896
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.149.186.405	15.952.545.231
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	4.437.474.753	3.518.270.309
12.	Chi phí khác	32	VI.07	520.813.541	414.980.676
13.	Lợi nhuận khác	40		3.916.661.212	3.103.289.633
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.065.847.617	19.055.834.864
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	4.801.769.427	3.982.291.108
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17.264.078.190	15.073.543.756
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10	982	817
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.11	982	817

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Nguyễn Phương Thảo

Lê Thùy Ngân

Trần Thanh Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		123.146.586.928	114.014.946.511
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.346.935.877)	(33.252.649.657)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(34.258.477.887)	(32.036.176.909)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(5.982.520.445)	(4.064.779.527)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(4.294.754.974)	(1.500.000.000)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		229.309.249	-
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.861.127.866)	(9.143.624.331)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.632.079.128	34.017.716.087
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(29.294.996.835)	(38.543.522.654)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.015.354	7.756.262
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.276.981.481)	(38.535.766.392)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		41.929.617.457	47.969.198.134
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(41.597.519.317)	(37.496.088.719)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.123.588.040)	(8.005.854.880)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.791.489.900)	2.467.254.535
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(436.392.253)	(2.050.795.770)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.077.311.872	4.128.107.642
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.640.919.619	2.077.311.872

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Phương Thảo

Lê Thùy Ngân

Trần Thanh Phong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sinh hoạt.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính gồm:

- Sản xuất, kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

<u>Đơn vị phụ thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Cấp nước Cần Thơ 2	Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh Cấp nước số 2	Số 9Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ.
Chi nhánh Cấp nước Bình Thủy	Số 205 đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 166 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 168 người).

06. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, Công ty bắt đầu triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống cấp nước sạch đô thị trên địa bàn Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ bằng việc đầu tư cơ sở hạ tầng. Do vậy, tài sản dài hạn và công nợ phải trả nhà cung cấp trong năm 2023 tăng so với năm 2022.

Ngoài vấn đề trên, không còn sự kiện hay hoạt động kinh doanh nào khác có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

02. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Quý đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán, hoàn thành và cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

16. Thông tin về các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	17.382.915	36.730.888
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.623.536.704	2.040.580.984
Cộng	1.640.919.619	2.077.311.872

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>1.531.191.946</i>	<i>1.532.274.108</i>
- Khách hàng mua nước sinh hoạt	1.058.392.134	1.289.388.867
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bru điện	242.885.241	242.885.241
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	229.914.571	-
Cộng	<u>1.531.191.946</u>	<u>1.532.274.108</u>

03. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>1.660.721.287</i>	<i>1.101.097.941</i>
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Khai Sáng	-	784.509.517
- Công ty TNHH MTV Xây dựng KTB	1.155.217.615	-
- Công ty TNHH Xây dựng Ngọc Sương	200.093.166	-
- Công ty TNHH MTV Best Solutions	-	206.250.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	305.410.506	110.338.424
Cộng	<u>1.660.721.287</u>	<u>1.101.097.941</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
04. Phải thu khác				
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Tạm ứng	293.000.000	-	46.400.000	-
	293.000.000	-	46.400.000	-
<i>b. Dài hạn</i>				
- Phải thu khác	37.869.300	-	37.869.300	-
+ Các khoản phải thu khác	37.869.300	-	37.869.300	-
Cộng	330.869.300	-	84.269.300	-
05. Nợ xấu				
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện				
	242.885.241	-	242.885.241	-
Cộng	242.885.241	-	242.885.241	-
06. Hàng tồn kho				
- Nguyên liệu, vật liệu				
	12.414.278.539	-	8.924.136.356	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang				
	156.791.598	-	113.000.499	-
Cộng	12.571.070.137	-	9.037.136.855	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.226.509.767	19.591.792.756
- Xây dựng cơ bản	9.208.307.323	17.147.662.734
+ Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2022 - MR1 tại quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	-	2.462.288.760
+ Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - MR2 tại phường Trà An, phường Long Hòa, phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	-	2.800.108.938
+ Lắp đặt tuyến ống D.110, D.225 HDPE và khoan trả KH hai bên đường Làng hoa Kiếng Bà Bộ	976.798.863	-
+ Cài tạo mạng lưới cấp nước chi nhánh cấp nước Bình Thủy, hạng mục: lắp đặt tuyến ống D250, D63 HDPE và khoan trả KH	1.154.035.216	-
+ Cài tạo, mở rộng mạng lưới cấp nước chi nhánh cấp nước Số2, hạng mục: Tuyến ống D.315 HDPE, D.250 và D.168 PVC tăng áp qua Cồn Khương	1.045.034.660	-
+ Hạng mục: Lắp đặt tuyến ống D.110, D.400 HDPE và khoan trả KH từ cầu Cồn Khương đến NH Vạn Phát	1.624.143.066	-
+ Công trình khác	4.408.295.518	11.885.265.036
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	18.202.444	2.444.130.022
Cộng	9.226.509.767	19.591.792.756

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm		124.340.016.507	129.623.737.151	250.124.143.049	18.870.998.195	522.958.894.902
- Mua trong năm		-	2.616.660.000	-	1.453.859.000	4.070.519.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành		7.870.795.804	-	27.443.965.020	-	35.314.760.824
- Tặng khác		-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư cuối năm		132.210.812.311	132.240.397.151	277.568.108.069	20.324.857.195	562.344.174.726
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		105.724.447.283	100.159.192.392	110.093.841.141	13.096.360.412	329.073.841.228
- Khấu hao trong năm		3.984.291.337	6.085.357.070	15.589.736.698	2.836.651.956	28.496.037.061
- Tặng khác		-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư cuối năm		109.708.738.620	106.244.549.462	125.683.577.839	15.933.012.368	357.569.878.289
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm		18.615.569.224	29.464.544.759	140.030.301.908	5.774.637.783	193.885.053.674
2. Tại ngày cuối năm		22.502.073.691	25.995.847.689	151.884.530.230	4.391.844.827	204.774.296.437

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 244.590.666.034 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 99.480.846.809 đồng và 77.810.437.455 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. (Xem chi tiết tại thuyết minh số VIII.07).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu năm	640.127.273	640.127.273
- Mua trong năm	275.000.000	275.000.000
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	915.127.273	915.127.273
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	583.896.976	583.896.976
- Khấu hao trong năm	124.980.298	124.980.298
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	708.877.274	708.877.274
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	56.230.297	56.230.297
2. Tại ngày cuối năm	206.249.999	206.249.999

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 640.127.273 đồng.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	153.807.500	84.562.193
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	5.057.500	26.062.193
- Các khoản khác	148.750.000	58.500.000
b. Dài hạn	21.059.177.392	346.530.146
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	15.576.015.059	256.479.979
- Lãi mua hàng trả chậm	1.060.617.481	-
- Các khoản khác	4.422.544.852	90.050.167
Cộng	21.212.984.892	431.092.339

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11. Vay và nợ thuê tài chính						
a. Vay ngắn hạn	17.001.386.618	17.001.386.618	28.736.810.502	29.447.226.698	16.290.970.422	16.290.970.422
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>10.383.721.080</i>	<i>10.383.721.080</i>	<i>24.333.447.470</i>	<i>22.829.561.160</i>	<i>11.887.607.390</i>	<i>11.887.607.390</i>
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(a)	10.383.721.080	10.383.721.080	24.333.447.470	22.829.561.160	11.887.607.390	11.887.607.390
- <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>6.617.665.538</i>	<i>6.617.665.538</i>	<i>4.403.363.032</i>	<i>6.617.665.538</i>	<i>4.403.363.032</i>	<i>4.403.363.032</i>
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	4.091.819.814	4.091.819.814	2.899.363.032	4.091.819.814	2.899.363.032	2.899.363.032
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(c)	2.525.845.724	2.525.845.724	1.504.000.000	2.525.845.724	1.504.000.000	1.504.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	39.794.287.445	39.794.287.445	17.596.169.987	16.553.655.651	40.836.801.781	40.836.801.781
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>39.794.287.445</i>	<i>39.794.287.445</i>	<i>17.596.169.987</i>	<i>16.553.655.651</i>	<i>40.836.801.781</i>	<i>40.836.801.781</i>
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	18.685.548.286	18.685.548.286	17.169.169.987	10.951.577.863	24.903.140.410	24.903.140.410
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(c)	21.108.739.159	21.108.739.159	427.000.000	5.602.077.788	15.933.661.371	15.933.661.371
Cộng	56.795.674.063	56.795.674.063	46.332.980.489	46.000.882.349	57.127.772.203	57.127.772.203

(a): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 063/2023-HĐCVHM/NHCT820-CITY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 28/7/2023 với hạn mức 12.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng, lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ.

(b): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 044/2019-HĐCVĐADT/NHCT820-CITY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 10/6/2019 với hạn mức 4.700.000.000 đồng để thực hiện đầu tư dự án nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước 2019 NCCT -1 tại quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,1%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 072/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 20/8/2019 với hạn mức 2.900.000.000 đồng để thực hiện đầu tư dự án nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước 2019 NCCT-2 tại quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,1%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 078/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 11/12/2019 với hạn mức 1.100.000.000 đồng để thực hiện công trình Mở rộng văn phòng và Xây dựng nhà kho lưu trữ Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,1%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 088/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27/08/2020 với hạn mức 6.950.000.000 đồng để thực hiện đầu tư dự án công trình gói thầu mở rộng lưới cấp nước năm 2020 tại quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,1%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 090/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27/8/2020 với hạn mức 1.706.000.000 đồng để thanh toán chi phí các đồng hồ đo nước và bơm tuabin trục đứng 110Kw theo HĐ mua bán hàng hóa của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng số 103/HĐKT-20 ngày 06/07/2020. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,1%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 099/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13/11/2020 với hạn mức 1.436.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua máy bơm nước 75Kw theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 số 249/KH-CNCT2 ngày 05/12/2019. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,1%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 070/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 30/8/2021 với hạn mức 2.499.000.000 đồng để thanh toán chi phí thi công Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - MR1 tại quận Bình Thủy. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 071/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 30/8/2021 với hạn mức 2.354.000.000 đồng để thanh toán chi phí thực hiện công trình Tu bổ sửa chữa nhà máy nước Cần thơ 2 - Thay vật liệu cụm lọc, cụm 40.000 m³/ngày đêm và cụm 10.000 m³/ngày đêm, sơn lan can cầu dẫn, sơn ống công nghệ D.600, D.300. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 109/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 31/12/2021 với hạn mức 1.931.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm đồng hồ đo nước theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 110/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 31/12/2021 với hạn mức 2.128.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm máy bơm 160Kw theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 09/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 26/01/2022 với hạn mức 608.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm hàng hóa theo kế hoạch 2021. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 064/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 20/07/2022 với hạn mức 5.285.000.000 đồng để thanh toán chi phí thực hiện đầu tư dự án công trình Cải tạo Nhà máy nước Cần Thơ 2. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,2%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 077/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 26/08/2022 với hạn mức 1.486.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm hàng hóa theo kế hoạch 2022. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 099/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 23/11/2022 với hạn mức 4.070.000.000 đồng để thi công công trình Cải tạo ống thông bê 4.000m³, địa điểm: 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 12,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 100/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 12/12/2022 với hạn mức 7.236.000.000 đồng để thanh toán chi phí Mua sắm hàng hóa theo kế hoạch 2022. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 12,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 045/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 05/6/2023 với hạn mức 823.000.000 đồng để thanh toán chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 12,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 054/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 28/7/2023 với hạn mức 3.587.000.000 đồng để thanh toán chi phí Công trình Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 61/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 28/7/2023 với hạn mức 1.199.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm đồng hồ và vật tư cải tạo công trình lần 1 thuộc kế hoạch 2023. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 64/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 28/8/2023 với hạn mức 4.600.000.000 đồng để thanh toán chi phí 5 mạng lưới công trình cải tạo theo kế hoạch 2023. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 65/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13/10/2023 với hạn mức 6.076.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm đồng hồ cơ và công module truyền dữ liệu. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 66/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13/10/2023 với hạn mức 2.137.000.000 đồng để thanh toán chi phí Lắp đặt hệ thống quan trắc kiểm soát chất lượng nước và làm mới hệ thống cấp quang. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
 - Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 67/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 14/12/2023 với hạn mức 630.000.000 đồng để thanh toán chi phí Mua sắm vật tư cải tạo công trình lần 2 thuộc Kế hoạch năm 2023. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- (c): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 126/DN/TD/H/2018 ngày 16/10/2018 và Hợp đồng số 55/DN/TD/H/2020 ngày 16/04/2020 với hạn mức 9.316.000.000 đồng để xây dựng công trình Trạm bơm Long Hòa - Bể chứa nước sạch 3.000 m³/ngày đêm. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.
 - Hợp đồng số 86/DN/TD/H/2020 ngày 27/8/2020 với hạn mức 3.615.000.000 đồng để mua sắm hàng hóa thuộc hạng mục: Mua theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.
 - Hợp đồng số 07/DN/TD/H/2021 ngày 19/01/2021 với hạn mức 8.255.000.000 đồng để thi công công trình Tuyến ống D300 gang và D110 HDPE bên trái Đường Vành Đai Sân bay (từ Võ Văn Kiệt đến đường Lê Hồng Phong) và tuyến ống D.315, D110 và D63 HDPE tính lộ 918 - Đoạn từ Km12+263 đến Km14+573 - xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,8%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm.
 - Hợp đồng số 89/DN/TD/H/2021 ngày 13/8/2021 với hạn mức 3.600.000.000 đồng để thi công công trình Tuyến ống cấp nước D630 HDPE xi phòng qua sông Bình Thủy. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm.
 - Hợp đồng số 105/DN/TD/H/2021 ngày 21/10/2021 với hạn mức 3.080.000.000 đồng để thi công công trình Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - MR2 tại quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm.
 - Hợp đồng số 108/DN/TD/H/2021 ngày 29/10/2021 với hạn mức 1.100.000.000 đồng để thi công công trình Tuyến ống cấp nước D450 HDPE băng lộ của đường nối giữa Cách Mạng Tháng Tám - đường tỉnh 918. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm.
 - Hợp đồng số 109/DN/TD/H/2021 ngày 29/10/2021 với hạn mức 719.000.000 đồng để thi công công trình Tuyến ống cấp nước D450 HDPE băng lộ dự phòng của đường nối giữa Cách Mạng Tháng Tám - đường tỉnh 918, nút giao Võ Văn Kiệt với đường nối giữa Cách Mạng Tháng Tám - Đường tỉnh 918, quận Bình Thủy (bên trái). Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm.
 - Hợp đồng số 03/DN/TD/H/2022 ngày 14/01/2022 với hạn mức 8.540.000.000 đồng, để thanh toán các chi phí đầu tư máy phát điện theo Kế hoạch năm 2021. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,3%/năm, từ năm thứ 03 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng số 22/DN/TD/H/2022 ngày 21/3/2022 với hạn mức 1.122.000.000 đồng, để thanh toán các chi phí đầu tư trạm biến thế theo Kế hoạch năm 2021. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.
- Hợp đồng số 636/DN/TD/H/2022 ngày 28/10/2022 với hạn mức 2.200.000.000 đồng, để thi công công trình Gói thầu mở rộng Mạng lưới cấp nước năm 2022 - MR1 quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.
- Hợp đồng số 655/DN/TD/H/2022 ngày 14/11/2022 với hạn mức 1.100.000.000 đồng, để thi công công trình lắp đặt tuyến ống D.110, D.225 HDPE, D.220 PVC. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	15.080.570.602	15.080.570.602	4.294.870.743	4.294.870.743
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	651.711.960	651.711.960	1.904.560.000	1.904.560.000
- Công ty TNHH MTV Xây dựng KTB	-	-	951.124.836	951.124.836
- Công ty TNHH Thương mại N.T.P	-	-	667.440.000	667.440.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	6.299.430.463	6.299.430.463	318.422.090	318.422.090
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xây dựng Bảo Gia	2.557.190.362	2.557.190.362	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	5.572.237.817	5.572.237.817	453.323.817	453.323.817
b. Phải trả người bán dài hạn	15.967.733.504	15.967.733.504	-	-
- Công ty TNHH Thương mại N.T.P	15.967.733.504	15.967.733.504	-	-
Cộng	31.048.304.106	31.048.304.106	4.294.870.743	4.294.870.743

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>452.826.671</i>	<i>150.294.544</i>
- Khách hàng công trình	452.826.671	150.294.544
Cộng	452.826.671	150.294.544

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.536.677.428	6.166.038.138	4.294.754.974	-	3.407.960.592
- Thuế thu nhập cá nhân	-	91.094.110	232.236.541	254.792.177	-	68.538.474
- Thuế tài nguyên	-	60.744.320	734.423.240	741.430.560	-	53.737.000
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	419.117.801	9.443.148.440	9.302.807.542	130.533.000	689.991.699
Cộng	-	2.107.633.659	16.575.846.359	14.593.785.253	130.533.000	4.220.227.765

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	167.851.392	3.401.073
- Trích trước chi phí giám sát công trình	94.926.643	-
- Trích trước chi phí kiểm toán công trình	72.924.749	3.401.073
Cộng	167.851.392	3.401.073

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	253.275.789	1.626.930.073
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	253.275.789	1.626.930.073
+ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam	175.175.520	730.179.320
+ Tiền tài trợ dự án Hà Lan	-	840.000.000
+ Các đối tượng khác	78.100.269	56.750.753
<i>b. Dài hạn</i>	-	3.027.509.064
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	3.027.509.064
+ Tiền bồi thường công trình: Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú (Giai đoạn 1), phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	-	2.156.361.000
+ Tiền bồi thường công trình: Cải tạo Rạch Cái Sơn - Muong Khai	-	871.148.064
Cộng	253.275.789	4.654.439.137

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	117.733.160.000	-	16.474.639.051	18.969.083.610	153.176.882.661
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.073.543.756	15.073.543.756
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	4.831.937.952	(9.408.842.410)	(4.576.904.458)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(8.005.854.880)	(8.005.854.880)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	117.733.160.000	-	21.306.577.003	16.627.930.076	155.667.667.079
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	17.264.078.190	17.264.078.190
Tăng khác	-	7.562.600.152	-	-	7.562.600.152
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	1.500.405.811	(15.073.543.756)	(13.573.137.945)
Giảm khác	-	-	(7.562.600.152)	(1.364.268.711)	(8.926.868.863)
Số dư cuối năm nay	117.733.160.000	7.562.600.152	15.244.382.662	17.454.195.799	157.994.338.613

(*): Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 19/NQ-DHĐCĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	1.500.405.811
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.449.549.905
- Trích cổ tức chi trả	8.123.588.040
Tổng phân phối lợi nhuận	15.073.543.756

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Nhà nước	57.689.260.000	49,00	57.689.260.000	49,00
- Vốn góp của các đối tượng khác	60.043.900.000	51,00	60.043.900.000	51,00
+ Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	57.525.840.000	48,86	57.525.840.000	48,86
+ Các đối tượng khác	2.518.060.000	2,14	2.518.060.000	2,14
Cộng	117.733.160.000	100,00	117.733.160.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	117.733.160.000	117.733.160.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	117.733.160.000	117.733.160.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.123.588.040	8.005.854.880
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	8.123.588.040	8.005.854.880

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.773.316	11.773.316
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.773.316	11.773.316
+ Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.773.316
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.773.316	11.773.316
+ Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.773.316
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	15.244.382.662	21.306.577.003
Cộng	15.244.382.662	21.306.577.003

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp nước sạch	104.085.822.620	98.561.962.939
- Doanh thu lắp đặt	3.124.166.480	3.411.986.811
- Doanh thu khác	1.122.969.086	624.983.965
Cộng	108.332.958.186	102.598.933.715

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	4.650.535	4.389.904
Cộng	4.650.535	4.389.904

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn sản xuất nước sạch	61.501.514.070	61.932.707.262
- Giá vốn lắp đặt	2.203.146.970	2.179.538.412
- Giá vốn khác	199.299.189	319.930.702
Cộng	63.903.960.229	64.432.176.376

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	18.015.354	7.756.262
Cộng	18.015.354	7.756.262

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	5.523.526.428	3.435.747.634
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	458.994.017	-
Cộng	5.982.520.445	3.435.747.634

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	232.527.909	-
- Phí bảo vệ môi trường giữ lại (6%, 10%)	108.128.531	293.270.309
- Tiền tài trợ từ dự án Hà Lan	840.000.000	3.225.000.000
- Tiền bồi thường	3.256.818.313	-
Cộng	4.437.474.753	3.518.270.309

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí tư vấn, khảo sát công trình	-	167.993.838
- Tiền chậm nộp ngân sách nhà nước	520.813.541	30.736.838
- Chi phí lương chuyên gia dự án Hà Lan	-	216.250.000
Cộng	520.813.541	414.980.676

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	18.680.407.154	16.099.078.896
- Chi phí nhân viên quản lý	13.060.045.118	10.657.587.681
- Chi phí vật liệu quản lý	250.115.164	245.709.606
- Chi phí đồ dùng văn phòng	147.041.128	346.816.724
- Chi phí khấu hao TSCĐ	759.034.745	698.570.680
- Thuế, phí và lệ phí	651.716.874	468.969.665
- Chi phí dự phòng	-	242.885.241
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.356.134.307	671.419.929
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.456.319.818	2.767.119.370
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.630.248.772	2.682.751.936
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.336.989.743	2.473.769.522
- Chi phí khấu hao TSCĐ	105.056.330	80.256.330
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.202.699	128.726.084
Cộng	20.310.655.926	18.781.830.832

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	4.657.960.592	3.982.291.108
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	143.808.835	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.801.769.427	3.982.291.108

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Chi tiết cách xác định:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.065.847.617	19.055.834.864
Các khoản điều chỉnh tăng	1.223.955.341	855.620.676
Lương thành viên HĐQT và Ban kiểm soát không chuyên trách	372.480.000	-
Chi phí không được trừ khác	851.475.341	855.620.676
Thu nhập tính thuế TNDN	23.289.802.958	19.911.455.540
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>4.657.960.592</u>	<u>3.982.291.108</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	17.264.078.190	15.073.543.756
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.264.078.190	15.073.543.756
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	5.700.540.348	5.449.549.905
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.773.316	11.773.316
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>982</u>	<u>817</u>

(*): Công ty đang tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo tỷ lệ 32,66% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	17.264.078.190	15.073.543.756
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.264.078.190	15.073.543.756
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	5.700.540.348	5.449.549.905
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.773.316	11.773.316
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>982</u>	<u>817</u>

(*): Công ty đang tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo tỷ lệ 32,66% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.957.516.617	8.643.060.327
- Chi phí nhân công	29.147.537.112	27.739.684.352
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.621.017.359	26.613.882.518
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.150.153.381	13.210.149.189
- Chi phí khác bằng tiền	6.382.182.785	7.098.901.223
Cộng	<u>84.258.407.254</u>	<u>83.305.677.609</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi vay vốn hóa	448.800.123	629.031.893

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	2.603.350.130	2.747.305.000
Cộng	<u>2.603.350.130</u>	<u>2.747.305.000</u>

Trong năm tài chính, Công ty không có giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị số sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi số	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.640.919.619	-	2.077.311.872	-	1.640.919.619	2.077.311.872
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.569.061.246	-	1.570.143.408	-	1.569.061.246	1.570.143.408
Cộng	3.209.980.865	-	3.647.455.280	-	3.209.980.865	3.647.455.280

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	31.048.304.106	4.294.870.743	31.048.304.106	4.294.870.743
Vay và nợ	57.127.772.203	56.795.674.063	57.127.772.203	56.795.674.063
Các khoản phải trả khác	253.275.789	4.654.439.137	253.275.789	4.654.439.137
Cộng	88.597.203.490	65.748.385.016	88.597.203.490	65.748.385.016

(*): Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.08 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

STT	Tài sản thế chấp tại 31/12/2023	Giá trị sổ sách (VND)
1	Tuyến ống D.110 hẻm 66 đường Nguyễn Văn Cừ	152.375.436
2	Tuyến ống D.110 Hẻm 13 đường Nguyễn Trãi	52.337.270
3	Tuyến ống D.63 và D.110 HDPE hẻm 244 qua hẻm 178 đường Cách Mạng Tháng Tám	290.515.069
4	Tuyến ống D.110 Hẻm 10 đường Lê Anh Xuân	28.975.960
5	Tuyến ống D.110 Hẻm 546 đường Cách Mạng Tháng Tám	58.974.203
6	Tuyến ống D225 bên trái đường Trần Quang Diệu (Từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến chợ Cầu Ván	2.330.501.948
7	Tuyến ống D225 HDPE hai bên đường Mậu Thân từ cầu Rạch ngỗng đến đường Nguyễn Văn Cừ	1.437.055.065
8	Tuyến ống D.160 HDPE hẻm 147 đường Nguyễn Văn Cừ	164.937.333
9	Tuyến ống D225 bên trái đường Trần Quang Diệu (đoạn từ hẻm sơ ri đến chợ Cầu Ván)	1.419.350.935
10	Tuyến ống D160HDPE bên trái đường Phạm Ngũ Lão từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cuối đường, chi nhánh cấp nước 2 - Gói thầu NCCT2	583.211.131
11	Tuyến ống D160HDPE bên phải đường Phạm Ngũ Lão từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cuối đường; chi nhánh cấp nước 2 - Gói thầu NCCT2	645.015.032
12	Tuyến ống D.110HDPE hẻm 152 đường Cách Mạng Tháng Tám, chi nhánh cấp nước 2 - Gói thầu NCCT2	87.646.838
13	Tuyến ống D.63 và D.110 HDPE hẻm 141 Trần Văn Khéo, chi nhánh cấp nước 2 - Gói thầu NCCT2	126.540.758
14	Tuyến ống D.110 HDPE trung tâm thương mại Cái Khế, chi nhánh Cấp nước 2 - Gói thầu NCCT2	757.592.992
15	Tuyến ống D.110 HDPE Rạch Miếu Ông, phường Long Tuyền, chi nhánh Bình Thủy - Gói thầu NCCT2	110.087.791
16	Tuyến ống D.110 HDPE Khu dân cư Mặt trời đỏ, phường Long Tuyền, chi nhánh Bình Thủy - Gói thầu NCCT2	297.593.910
17	Tuyến ống D.110HDPE Khu dân cư Dầu khí, phường Long Tuyền, chi nhánh Bình Thủy - Gói thầu NCCT2	258.714.222

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Tài sản thế chấp tại 31/12/2023	Giá trị sổ sách (VND)
18	Tuyến ống D.110 HDPE Khu tập thể 720, chi nhánh Bình Thủy - Gói thầu NCCT2	124.846.399
19	Tuyến ống D.110HDPE Rạch Khoán Châu, Xẻo Nga, phường Long Hòa, chi nhánh Bình Thủy - Gói thầu NCCT2	440.693.187
20	Mở rộng Văn phòng và xây dựng kho lưu trữ công ty	2.298.664.270
21	Biến tần 37kw-3 pha (Máy số 1)	105.414.680
22	Biến tần 37kw-3 pha (Máy số 2)	105.414.680
23	Biến tần 37kw- 3 pha + CB + Dây đồng + Đầu cos	42.204.880
24	Biến tần 75Kw - 3 pha CB	111.754.240
25	Bộ chuyển đổi Clo (cụm 10,000 và 40,000) - Bộ số 1	158.400.000
26	Bộ chuyển đổi Clo (cụm 10,000 và 40,000) - Bộ số 2	158.400.000
27	Cụm hóa chất PAC, hệ 10,000 m3/ng.đ (01 cảm biến đo lưu lượng + 02 cảm biến đo mực nước)	49.027.320
28	Trạm bơm cấp I cụm 10,000m3/ng.đ (Gồm 01 PLC viết chương trình và các thiết bị relay kết nối)	16.013.320
29	Thiết bị đo độ đục 01-1000NTU	19.800.000
30	Thiết bị đo độ đục nước sạch	66.154.320
31	Thiết bị đo độ đục nước sạch	66.154.320
32	Biến tần 110Kw - 3 pha + CB + Dây đồng + Đầu cos	99.159.560
33	Tổ máy phát điện hiệu Pacelink; Model: PLG-C176(S)	475.817.362
34	Thiết bị đo độ đục nước thô (bộ số 1) (Bộ hiển thị hiệu Endress Hauser Model: CM442; Xuất xứ Đức, Sensor hiệu Endress Hauser; Model: CUSD, Đức)	168.963.600
35	Thiết bị đo độ đục nước thô (bộ số 1) (Bộ hiển thị hiệu Endress Hauser Model: CM442; Xuất xứ Đức, Sensor hiệu Endress Hauser; Model: CUSD, Đức)	168.963.600
36	Máy bơm tuabin trục đứng 37kw Hiệu Aturia, Model: VAB 230/1 Italia	343.200.000
37	Tuyến ống D110 HDPE từ cầu Trại Giãm đến cầu gần trường tiểu học Long Xuyên	566.255.571
38	Tuyến ống D110 HDPE đường cấp mé trái Rạch Cam Khu vực Bình Yên B, phường Long Hòa	827.733.053
39	Tuyến ống D110 HDPE từ cầu Bông Vang đến cầu Rạch Nhum (bên trái)	249.992.867
40	Tuyến ống D110 HDPE đường vào khu Lò đường - Rạch Bà Cầu (Khu vực Bình Yên A)	848.027.600
41	Tuyến ống D110 HDPE rạch Ngã Bát	910.771.784
42	Tuyến ống D110 HDPE Rạch Súc (bên trái) Khu vực Bình Trung, phường Long Hòa	1.029.395.755
43	Hẻm 444 bên trái, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa	302.425.227
44	Tuyến ống D225 HDPE đường Nguyễn Văn Cừ (bên trái)	1.857.236.977
45	Tuyến ống D225 HDPE đường Trần Việt Châu, bên phải từ đường Nguyễn Văn Cừ qua Phạm Ngũ Lão	934.077.985
46	Tuyến ống D225 HDPE Đường Trần Việt Châu, bên trái từ đường Nguyễn Văn Cừ qua Phạm Ngũ Lão	965.248.593
47	Máy bơm tua bin trục đứng 110kw Hiệu ATURIA, Model: VAB 251/2 Italia	1.015.875.405
48	Máy bơm tua bin trục đứng Peerless Vertical - Mỹ - Guồng bơm 18HXB; công suất 75KW; P=75Kw; 3 pha - 380/660V, Q=950m3/h, H=20m	712.121.196

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Tài sản thế chấp tại 31/12/2023	Giá trị sổ sách (VND)
49	Tuyến ống D315HDPE, D110 HDPE và D63 HDPE Tỉnh lộ 918-đoạn từ Km12+263 đến Km14+573, xã Giai Xuân, huyện Phong Điền	5.063.451.124
50	Tuyến ống D.315 HDPE và D110 HDPE bên trái đường Vành Đai sân bay	4.169.809.837
51	Tuyến ống D630 HDPE xi phông qua sông Bình Thủy	3.751.178.674
52	Tuyến ống D110 HDPE Rạch Khoán Châu, KV Bình Dương A, P. Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	351.751.611
53	Tuyến ống D110 HDPE Rạch Miếu Ông (Bên phải), khu vực Bình Dương B và Rạch Đường Đào, khu vực Bình Dương A, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	1.325.243.998
54	Tuyến ống D110 HDPE Rạch Ngã bát đến Khu di tích Vườn Mận, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	140.205.544
55	Tuyến ống D63 HDPE Hẻm Cạnh nhà máy Mười Đào - Tuyến Cầu Bờ Kè Rạch Cam (Rạch Ông Tường), quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	52.920.600
56	Tuyến ống D110 HDPE Hẻm 12 Đường Nguyễn Truyền Thanh, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	1.318.362.672
57	Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Hẻm 54 (bên trái) Đường Hồ Trung Thành, phường Trà An, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	264.247.462
58	Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Tổ 7-13 (Bên phải), phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	143.521.251
59	Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Rạch Cái Tắc, KV Bình Thường A, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	275.637.005
60	Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Rạch Miếu Ông - Ba Cao (Bên trái), Khu vực Bình Dương B, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	640.828.522
61	Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Rạch Cái Tắc (Bên trái), Khu vực Bình Thường B, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	514.737.921
62	Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Bên trái Rạch Ngã Ngánh, khu vực Bình Dương A, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	292.604.145
63	Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE từ cầu Cò Chình đến nhà Ông Hai Thông, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	229.302.862
64	Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - Tuyến ống D.63 HDPE và cầu trả khách hàng hẻm cạnh nhà số 40/2, Khu vực Bình Dương (Rạch Khoán châu ra QL91B), phường Long Hòa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	61.141.481
65	Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - Tuyến ống D.63 HDPE từ cầu chữ Y đến Rạch Xéo Lò, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	664.922.016
66	Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - Tuyến ống D.160 HDPE và Cầu trả KH Tổ 2 Rạch Ông Đội và Tổ 7 Rạch Ông Kinh – Khu vực Bình Phó A, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	830.011.132
67	Tuyến ống cấp nước D.450 HDPE băng lộ của đường nối giữa Cách Mạng Tháng Tám - Đường tỉnh 918, Nút giao Võ Văn Kiệt với đường nối giữa Cách Mạng Tháng Tám - đường tỉnh 918 (bên trái)	1.088.445.871

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Tài sản thế chấp tại 31/12/2023	Giá trị sổ sách (VND)
68	Tuyến ống cấp nước D.450 HDPE băng lộ của đường nối giữa Cách Mạng Tháng Tám - Đường tỉnh 918, Nút giao Võ Văn Kiệt với đường nối giữa Cách Mạng Tháng Tám - đường tỉnh 918 (bên trái)	531.008.633
69	Máy bơm công suất P:160Kw - 3 pha - 380V; Q=1200m ³ h; H=31m SX: Italy/Capraro) tại trạm bơm cấp 2 cụm 40.000m ³ /ngđ	2.086.666.660
70	Máy phát điện 1.250kVA	8.516.190.480
71	Máy bơm Clor 10kg loại lắp đặt trên đường ống góp (Máy số 1)	44.699.992
72	Máy bơm Clor 10kg loại lắp đặt trên đường ống góp (Máy số 2)	44.699.992
73	Hệ thống chống sét cho các trạm bơm Nhà máy nước 2	267.677.079
74	Máy đo Clor dư, pH (online) - Hiệu HACH - Xuất xứ: USA	460.639.171
75	Máy đo Clor dư, pH (online) - Hiệu HACH - Xuất xứ: USA	460.639.171
76	Công trình Trạm biến thế 22/0.4kV - Nhà máy nước 2	1.030.739.372
77	Cải tạo Nhà máy nước Cần Thơ 2 - Gói thầu xây lắp và thiết bị	7.247.491.812
78	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên phải Rạch Ống Dừa (Tổ 13) - Khu vực Bình Dương A, phường Long Xuyên	167.662.991
79	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Đường Đào (Tổ 15) - Khu vực Bình Dương A, phường Long Xuyên	94.727.120
80	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên phải Rạch Ranh (Tổ 12) - Khu vực Bình Thường A, phường Long Xuyên	234.256.740
81	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Ranh (Tổ 12) - Khu vực Bình Thường A, phường Long Xuyên	219.307.897
82	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Chuối (tổ 8,9,10) - Khu vực Bình Thương A, phường Long Xuyên	1.051.728.276
83	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Ống Hương - Khu vực Bình Yên B, phường Long Hòa	365.491.161
84	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên phải Rạch Ống Hương - Khu vực Bình Yên B, phường Long Hòa	626.130.425
85	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE (đoạn từ trường tiểu học Long Hòa đến Đ. Võ Văn Kiệt), khu vực Bình Chánh, phường Long Hòa	108.268.045
86	Tuyến ống cấp nước D.160 HDPE nối tuyến Rạch Đường Củi, Nguyễn Thị Tạo	214.006.294
87	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE (đoạn từ Nhà thờ Rạch Súc đến cầu Rạch Súc, Võ Văn Kiệt), khu vực Bình Trung, phường Long Hòa	271.194.860
88	Tuyến ống D110, D225 HDPE, D220 PVC và Khoan trả KH: đường Lê Văn Sô, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	1.343.085.457
89	Cải tạo ống thông bể 4.000 m ³ - Nhà máy nước CT2	5.646.287.568
90	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE hẻm nhánh nằm trên tuyến đường từ Cầu Ông Chiểu đến trường Tiểu học Long Hòa 3 (Cạnh nhà số 380B/17) - Khu vực Bình Yên B - phường Long Hòa	126.625.175
91	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE từ trường tiểu học Long Hòa 3 đi Võ Văn Kiệt - Tổ 21 - Khu vực Bình Yên B - phường Long Hòa	182.885.317
92	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE đoạn cuối bên trái Rạch Sơn - Khu vực Bình Dương B - phường Long Xuyên	52.501.943
93	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Chanh - Khu vực Bình Dương B - phường Long Xuyên	145.468.525
94	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Chanh - Khu vực Bình Dương B - phường Long Xuyên	130.155.062
95	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE từ cầu Ba Cao 2 - Khu vực Bình Dương B - phường Long Xuyên	229.892.392
96	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Ống Đội - Bình Phó A - phường Long Xuyên	256.371.675
97	Tuyến ống cấp nước D.63 HDPE đoạn nhánh bên trái Rạch Ranh (Tổ 11) - Khu vực Bình Thường A - phường Long Xuyên	47.944.881

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Tài sản thế chấp tại 31/12/2023	Giá trị sổ sách (VND)
98	Nâng cấp cải tạo chi nhánh cấp nước số 2 - Hẻm 75 Trần Phú, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	388.035.917
	Cộng	77.810.437.455

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Tuy nhiên, Năm 2023, Công ty thay đổi phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ (từ phương pháp gián tiếp sang phương pháp trực tiếp), do vậy thông tin so sánh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp là thông tin do doanh nghiệp lập.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2023, Tài sản ngắn hạn của Công ty đang nhỏ hơn Nợ ngắn hạn số tiền là 20.505.228.997 đồng. Trong năm 2023, Công ty bắt đầu triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống cấp nước sạch đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ bằng việc đầu tư cơ sở hạ tầng. Đồng thời, trong năm Công ty cũng đề xuất tăng giá bán nước để bù đắp một phần chi phí đầu tư nhưng chưa được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt. Do vậy, việc đầu tư cơ sở hạ tầng là tài sản dài hạn đang được tài trợ bằng một phần nợ dài hạn và nợ ngắn hạn, nguồn tiền thu hồi từ khấu hao tài sản cố định dẫn đến tình trạng tại ngày 31/12/2023 Nợ ngắn hạn của Công ty đang lớn hơn Tài sản ngắn hạn. Tuy nhiên, ngày 01/02/2024, Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định 215/QĐ-UBND về việc tăng giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn Thành Phố Cần Thơ do vậy dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 sẽ tăng và Công ty đã xây dựng kế hoạch thu chi trong năm 2024, đảm bảo khả năng thanh toán cho tất cả khoản nợ đến hạn của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Phương Thảo

Lê Thùy Ngân

Trần Thanh Phong

